

Số: 1114/TB-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét tuyển kết hợp và xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT vào đại học chính quy năm 2025

(Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Đại học)

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 ban hành theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/3/2025 của Giám đốc Đại học và Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, cao đẳng, Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐH KTQD) thông báo về việc xét tuyển kết hợp (XTKH) và xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TN THPT) vào đại học chính quy năm 2025 như sau:

1. Yêu cầu chung

- Thí sinh đáp ứng điều kiện chung theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và các điều kiện của ĐH KTQD có nguyện vọng xét tuyển phải đăng ký nộp hồ sơ xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên hệ thống của ĐH KTQD trong thời gian từ 8h00 ngày 01/6/2025 đến trước 17h00 ngày 30/6/2025 và nộp lệ phí tuyển sinh riêng vào ĐH KTQD theo quy định.
- Mỗi thí sinh chỉ cần nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ xét tuyển, trong đó có thể đồng thời đăng ký tất cả các đối tượng xét tuyển kết hợp và xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (thí sinh không phải nộp bản cứng về ĐH KTQD).
- Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng chính thức trên hệ thống của Bộ GD&ĐT trong xét tuyển đợt 1 theo quy định và lịch trình do Bộ GD&ĐT ban hành.
- Thí sinh phải chịu trách nhiệm trước thông tin và minh chứng khi nộp hồ sơ xét tuyển. Sau khi thí sinh trúng tuyển, nhập học, ĐH KTQD sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

2. Các đối tượng xét tuyển

2.1. Các đối tượng xét tuyển của ĐH KTQD

- (1) Thí sinh có một trong các chứng chỉ quốc tế SAT, ACT;
- (2) Thí sinh có một trong các kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (ĐGNL, ĐGTD) của ĐHQG Hà Nội (HSA), ĐHQG TP.HCM (APT), ĐH Bách khoa Hà Nội (TSA);
- (3) Thí sinh có một trong các kết quả ĐGNL/ĐGTD (HSA/APT/TSA) kết hợp với một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế - CCTAQT (IELTS, TOEFL iBT, TOEIC).
- (4) Thí sinh có kết quả thi TN THPT năm 2025 kết hợp một trong các CCTAQT (IELTS, TOEFL iBT, TOEIC).

(5) Thí sinh chỉ có kết quả thi TN THPT năm 2025.

2.2. Yêu cầu cụ thể đối với từng đối tượng

(1) Thí sinh có chứng chỉ SAT, ACT:

- SAT từ 1200 điểm trở lên hoặc ACT từ 26 điểm trở lên.
- SAT, ACT được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2023 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2025.
- Thí sinh khi thi SAT, ACT cần đăng ký mã của ĐH KTQD với tổ chức thi SAT là 7793-National Economics University và ACT là 1767-National Economics University. Nếu thí sinh đã thi mà chưa đăng ký mã của ĐH KTQD thì cần đăng ký lại với tổ chức thi SAT hoặc ACT.

(2) Thí sinh có kết quả HSA, APT, TSA:

- HSA từ 85 điểm trở lên; APT từ 700 điểm trở lên; TSA từ 60 điểm trở lên;
- Các điểm thi HSA, APT, TSA có thời hạn trong các năm 2023, 2024, 2025.

(3) Thí sinh có kết quả HSA, APT, TSA kết hợp với CCTAQT:

- HSA từ 85 điểm trở lên; APT từ 700 điểm trở lên; TSA từ 60 điểm trở lên. Các điểm thi HSA, APT, TSA có thời hạn trong các năm 2023, 2024, 2025.
- IELTS từ 5.5, TOEFL iBT từ 46, TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên. Các CCTAQT được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2023 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2025.

(4) Thí sinh có kết quả thi TN THPT năm 2025 kết hợp CCTAQT:

- IELTS từ 5.5, TOEFL iBT từ 46, TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên. Các CCTAQT được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2023 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2025.
- Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của ĐH KTQD (Văn, Lý hoặc Hoá) với CCTATQ.

(5) Thí sinh chỉ có kết quả thi TN THPT năm 2025:

Thí sinh tham dự kỳ thi TN THPT năm 2025 và có kết quả điểm thi 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển của ĐH KTQD như sau: A00 (Toán-Lý-Hóa); A01 (Toán-Lý-Anh), D01 (Toán-Văn-Anh), D07 (Toán-Hóa-Anh).

Lưu ý: ĐH KTQD không xét tuyển đối với tất cả các chứng chỉ có hình thức thi "Home Edition"

3. Công thức tính điểm xét tuyển cho từng đối tượng

(1) Thí sinh có chứng chỉ SAT, ACT:

Công thức tính điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30:

$\text{ĐXT} = \text{Điểm quy đổi tương đương} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$

Điểm quy đổi tương đương SAT/ACT với điểm thi TN THPT năm 2025

(2) Thí sinh có kết quả HSA, APT, TSA:

$\text{ĐXT} = \text{Điểm quy đổi tương đương} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$

Điểm quy đổi tương đương HSA/APT/TSA với điểm thi TN THPT năm 2025

(3) Thí sinh có CCTAQT kết hợp với kết quả HSA, APT, TSA:

Công thức tính ĐXT theo thang 30:

$$\text{ĐXT} = [\text{Điểm quy đổi tương đương} \times 2/3 + \text{Điểm quy đổi CCTAQT} + \text{Điểm cộng}] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Điểm quy đổi tương đương HSA/APT/TSA với điểm thi TN THPT năm 2025

Điểm quy đổi CCTAQT sang thang điểm 10 theo quy định của ĐH KTQD

Điểm cộng dành cho các thí sinh có CCTAQT theo quy định của ĐH KTQD

(4) Thí sinh có CCTAQT kết hợp với kết quả thi TN THPT năm 2025:

Công thức tính ĐXT theo thang 30:

$$\text{ĐXT} = [\text{Tổng điểm 2 môn} + \text{Điểm quy đổi CCTAQT} + \text{Điểm cộng}] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Tổng điểm 02 môn là điểm thi TN THPT năm 2025 môn Toán và 01 môn trong các môn Văn, Lý hoặc Hóa.

Điểm quy đổi CCTAQT sang thang điểm 10 theo quy định của ĐH KTQD

Điểm cộng dành cho các thí sinh có CCTAQT theo quy định của ĐH KTQD

(5) Thí sinh chỉ có kết quả thi TN THPT năm 2025:

$$\text{ĐXT} = [\text{Tổng điểm 03 môn} + \text{Điểm cộng (nếu có)}] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Tổng điểm 3 môn xét tuyển theo các tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hoá); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Toán, Văn, Anh); D07 (Toán, Hoá, Anh)

Điểm cộng dành cho các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT và theo thông báo của ĐH KTQD (Thông báo số 1055/TB-ĐHKTQD ngày 20/5/2025).

4. Bảng quy đổi CCTAQT và điểm cộng CCTAQT

4.1. Bảng quy đổi CCTAQT như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi
7.5 - 9.0	102 trở lên	965/190/190 trở lên	10
7.0	94 – 101	945/180/180	9.5
6.5	79 – 93	890/170/170	9.0
6.0	60 – 78	840/160/160	8.5
5.5	46 – 59	785/160/150	8.0

4.2. Mức điểm cộng với thí sinh có CCTAQT: 0,75 (không phải bảy mươi lăm điểm).

5. Quy định về điểm ưu tiên và điểm cộng CCTAQT

- Điểm cộng áp dụng cho tất cả các đối tượng thí sinh có CCTAQT.

- Điểm cộng được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng) đảm bảo ĐXT không lớn hơn 30 điểm.

- Điểm ưu tiên (ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

Lưu ý: Tổng điểm đạt được bao gồm cả điểm cộng (nếu có).

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

6. Bảng quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các PTXT, các THXT

- Quy trình xây dựng quy tắc và xác định quy đổi tương đương: Phụ lục I kèm theo

- ĐH KTQD sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT trước 17h00 ngày 23/7/2025.

7. Hồ sơ xét tuyển

7.1. Tài liệu chung

- Ảnh thẻ 4*6 mới chụp trong vòng 03 tháng;

- Căn cước công dân/chứng minh nhân dân;

- Thí sinh thuộc khu vực 1, khu vực 2NT, khu vực 2 cần có minh chứng Học bạ THPT.

- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên từ đối tượng 01 đến 07 theo Quy chế tuyển sinh cần có minh chứng theo danh mục của Đại học (Phụ lục II kèm theo).

7.2. Tài liệu theo các đối tượng xét tuyển

- Chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT do các tổ chức quốc tế tổ chức thi và cấp chứng chỉ;

- Giấy chứng nhận kết quả thi HSA, APT, TSA do ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP.HCM, ĐH Bách khoa Hà Nội cấp.

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế - CCTAQT (IELTS, TOEFL iBT, TOEIC) do các tổ chức quốc tế tổ chức thi và cấp chứng chỉ như: Đại học Cambridge - Vương quốc Anh (University of Cambridge ESOL); Hội đồng Anh (British Council); Tổ chức giáo dục IDP – Úc; Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Service – ETS); Tổ chức IIG – Việt Nam (không gồm các chứng chỉ thi theo hình thức Home Edition).

Lưu ý:

+ Thí sinh phải chịu trách nhiệm trước thông tin và minh chứng khi nộp hồ sơ xét tuyển. Sau khi thí sinh trúng tuyển, nhập học, ĐH KTQD sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

+ Sau khi thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến/online theo quy định và hướng dẫn của ĐH KTQD, thí sinh sẽ nhận được email xác nhận thông tin gửi tới thí sinh theo email đã đăng ký.

7.3. Lệ phí tuyển sinh

Mỗi thí sinh nộp lệ phí tuyển sinh riêng của ĐH KTQD là **200.000** đồng/hồ sơ (Hai trăm nghìn đồng/01 hồ sơ) bằng hình thức chuyển khoản; thực hiện nộp lệ phí theo hướng dẫn khi đăng ký hồ sơ xét tuyển.

8. Hình thức và thời gian nộp hồ sơ

- Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào ĐH KTQD bắt buộc phải đăng ký hồ sơ theo hình thức trực tuyến trong thời gian quy định của ĐH KTQD.
- Mỗi thí sinh đăng ký xét tuyển được nộp 01 (một) bộ hồ sơ bằng hình thức trực tuyến (online) tại địa chỉ:

<https://xtkh.neu.edu.vn>

(Có hướng dẫn đăng ký kèm theo)

- Thời gian nộp hồ sơ:

TT	Nội dung	Thời gian
1.	Thí sinh đăng ký xét tuyển, điều chỉnh nguyện vọng (không giới hạn số lần) trực tuyến trên hệ thống của ĐH KTQD	Từ 8h00 ngày 01/6/2025 đến trước 17h00 ngày 30/6/2025
2.	Đại học tiến hành kiểm tra hồ sơ đăng ký xét tuyển	Trước ngày 10/7/2025
3.	Thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng chính thức trên hệ thống của Bộ GD&ĐT (đây là nguyện vọng chính thức để xét tuyển).	Từ ngày 16/7/2025 đến 17h00 ngày 28/7/2025
4.	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT	Từ ngày 29/7/2025 đến 17h00 ngày 05/8/2025

Lưu ý: Để được xét tuyển vào ĐH KTQD, thí sinh phải đồng thời đăng ký hồ sơ vào ĐH KTQD theo quy định & hướng dẫn của ĐH KTQD và đăng ký nguyện vọng trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT theo quy định & hướng dẫn chung.

9. Kênh thông tin tuyển sinh

Thí sinh cần theo dõi và cập nhật thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin điện tử của ĐH KTQD: <https://neu.edu.vn> mục Tuyển sinh
- Website Phòng Quản lý đào tạo: <https://daotao.neu.edu.vn> mục Tuyển sinh
- Cửa sổ tư vấn tuyển sinh tương tác trực tuyến ORLABNEU: <https://daotao.neu.edu.vn>
- Hotline (trong giờ hành chính): 0888.128.558
- Email: tuvantuyensinh@neu.edu.vn

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Phòng TT (để đăng Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



GS.TS Phạm Hồng Chương

PHỤ LỤC I

Quy trình xây dựng quy tắc và xác định quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển, các tổ hợp xét tuyển tại ĐH KTQD năm 2025 (Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Đại học)

Căn cứ Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, ĐH KTQD công bố quy trình xây dựng quy tắc và xác định quy đổi điểm trúng tuyển giữa các PTXT & THXT như sau:

1. Thu hồ sơ ĐKXT vào ĐH KTQD năm 2025

- Thời gian: từ 8h00 ngày 01/6/2025 đến trước 17h00 ngày 30/6/2025
- Hình thức: Trực tuyến

2. Chuẩn bị và phân tích dữ liệu

- Thu thập dữ liệu cần thiết của các năm 2022; 2023; 2024; 2025
 - + Dữ liệu về SAT, ACT; HSA, APT, TSA; CCTAQT.
 - + Dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển vào ĐHKQTĐ.
 - + Dữ liệu khác có liên quan.
- Phân tích dữ liệu
 - + Tính toán phân vị điểm cho từng khoảng PTXT và THXT.
 - + So sánh phổ điểm và độ khó của từng bài thi/phương thức/tổ hợp.
 - + Xác định vùng điểm trúng tuyển theo các năm trước và năm 2025.

- Thời gian: Trước 18/7/2025.

3. Xây dựng bảng quy đổi tương đương

- Áp dụng phân vị để thiết lập bảng quy đổi giữa các PTXT khác với PTXT dựa vào điểm thi TN THPT.
- Xác định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp (ví dụ: điểm A00 – điểm D01).
- Xây dựng bảng quy đổi tương đương theo từng khoảng.
- Phân tích và đánh giá kết quả học tập theo từng PTXT (và cả THXT nếu cần).
- Làm mịn dữ liệu (áp dụng nội suy tuyến tính, hoặc bảng quy đổi chi tiết).
- Xác định công thức quy đổi điểm khi thí sinh có chữ chỉ ngoại ngữ (IELTS, TOEFL...).
- Thời gian: Trước 20/7/2025.

4. Chạy xét tuyển thử để kiểm tra và xác định bảng quy đổi cuối cùng

- Dựa vào hồ sơ ĐKXT vào ĐH KTQD năm 2025 và bảng quy đổi, chạy thử xét tuyển.
- Thay đổi chỉ tiêu, điểm chuẩn, bảng (công thức) quy đổi, sau đó chạy xét tuyển (nhiều lần) để ra được bảng quy đổi hợp lý nhất.
- Thời gian: Trước 22/7/2025.

5. Trình HĐTS thông qua của bảng quy đổi chính thức & công bố

- Công bố bảng quy đổi chính thức và quy tắc quy đổi, bảng quy đổi trên Cổng thông tin điện tử của ĐH KTQD.
- Xây phần mềm quy đổi cho thí sinh tra cứu thông tin.
- Thời gian: Trước 23/7/2025.

6. Cập nhật trên hệ thống của Bộ GD&ĐT

- Gửi thông tin lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Thời gian: Trước 23/7/2025.

PHỤ LỤC II

Các minh chứng để được hưởng ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng

(Kèm theo Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
I	Ưu tiên khu vực	
I.1	Theo khu vực của trường phổ thông	Thí sinh khai báo năm học lớp 10, 11, 12 trên Hệ thống
I.2	Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. (Điểm c, khoản 1, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hiện hành).	- Khai báo thời gian trên Hệ thống và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II	Ưu tiên đối tượng (Phụ lục Quy chế tuyển sinh hiện hành)	
II.1	Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.	- Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền, và - Thông tin đồng bộ dữ liệu Bộ Công an của thí sinh có nơi thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại khu vực 1 trong thời gian học THPT hoặc trung cấp.
II.2	Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	- Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc, và - Bằng khen hoặc Quyết định công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
II.3	Đối tượng 03: a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	a) Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh; Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh. - b), c) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. d) Quyết định xuất ngũ.
II.4	Đối tượng 04: a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng "Tổ quốc ghi công"; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp ưu đãi của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có). b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.
II.5	Đối tượng 05: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.
II.6	Đối tượng 06: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
II.7	Đối tượng 07: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp. b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo). c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. d) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.